TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2019/HNGĐ - ST
Ngày 29/5/2019
"V/v tranh chấp HNGĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- ***Thành phần hộ đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến– Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk lăk đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 978/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXX-ST ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Phạm Thị L – sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 477B đường V, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

*** Bị đơn**: Ông Trương My Ph – sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 477B đường V, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Phạm Thị L và anh Trương My Ph tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND phường TC, TP B. Anh, chị có 01 con chung là cháu Trương Phạm Băng T – sinh ngày 25/11/2015.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình làm ăn kinh doanh anh Ph đã chơi cá độ đá banh rất nhiều lần dẫn đến nợ nần. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Ph không thay đổi. Hiện nay anh, chị đang sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Nay chị L xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên mong tòa giải quyết cho được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị L có nguyện vọng nuôi cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết anh Trương My Ph không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trương My Ph tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND phường TC, TP B. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Ph là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, chị L và anh Ph kết hôn năm 2015 nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là do anh Ph đã chơi cá độ đá banh rất nhiều lần dẫn đến nợ nần. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Ph

không thay đổi. Quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh tại tổ dân phố nơi anh, chị sinh sống và được đại diện tổ dân phố cho biết chị L và anh Ph là vợ chồng hiện đang sinh sống tại tổ dân phố 13, phường KX, thành phố B, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì do chị L và anh Ph không yêu cầu hòa giải ở địa phương nên địa phương không nắm được. Tuy nhiên xét thấy hiện nay chị L và anh Ph đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Ph đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay, chị L có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Ph để mỗi người có cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Phạm Băng T – sinh ngày 25/11/2015. Hiện nay cháu T đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Ph không có ý kiến gì về việc xin nuôi dưỡng con chung, do đó cần tiếp tục giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82; 83; 107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L. Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trương My Ph.

2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Phạm Băng T – sinh ngày 25/11/2015. Giao cho chị Phạm Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0008520 ngày 22 tháng 11 năm 2018.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P.TC, TP BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Tú